

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-5-2024

V/v “ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HOÁ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Đặng Nguyễn Phương C

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lý Thị D, ông Nguyễn Thành H

- Thư ký phiên toà: ông Lê Ngọc T - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Huỳnh Thị C, sinh năm: 1980

Địa chỉ: ấp 4, xã Tân Lập, huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An

2. Bị đơn: ông Trần Thanh P, sinh năm: 1979

Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện M, tỉnh Long An

(Bà C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông P vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn - bà Huỳnh Thị C trình bày: bà C và ông P chung sống với nhau từ năm 1998, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Long An vào ngày 14/10/2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không còn hợp nhau, chung sống không hoà thuận, bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi vã nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc. Nay bà C nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn với ông P.

- Về con chung: bà C và ông P có hai con chung tên Trần Thanh N, sinh ngày 27/11/1999 và Trần Thanh N1, sinh ngày 27/10/2005. Hai con chung đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi, có khả năng lao động nên bà C không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên bà **C** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông **Trần Thanh P** vắng mặt không lý do. Ông **P** không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà **C**.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: tranh chấp về việc ly hôn giữa nguyên đơn **Huỳnh Thị C** với bị đơn **Trần Thanh P** là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn ông **Trần Thanh P** có địa chỉ cư trú tại **xã T, huyện M, tỉnh Long An** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà **C** vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông **P** vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Ông **P** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án. Ông **P** cũng không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà **C**. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà **C** và ông **P** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: bà **C** và ông **P** chung sống với nhau, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T, huyện M, tỉnh Long An** vào ngày 14/10/2005 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà **C** thì trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, bất đồng ý kiến, chung sống không hoà thuận, không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nên hôn nhân không còn hạnh phúc. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ông **P** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng đã vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết tại Tòa án. Ông **P** không quan tâm, không mong muốn giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn đoàn tụ với bà **C**. Bà **C** kiên quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của bà **C** và ông **P** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **C**, bà **C** được ly hôn với ông **P**.

Về con chung: bà **C** và ông **P** có hai con chung tên **Trần Thanh N**, sinh ngày 27/11/1999 và **Trần Thanh N1**, sinh ngày 27/10/2005. Hai con chung đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi, có khả năng lao động nên bà **C** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông **P** không cung cấp ý kiến gì về con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà C trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông P không cung cấp ý kiến tranh chấp về tài sản chung và nợ chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: bà C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị C đối với ông Trần Thanh P. Bà Huỳnh Thị C được ly hôn với ông Trần Thanh P.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: bà Huỳnh Thị C có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai thu số 0002819 ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hoá sang án phí, bà C không phải nộp thêm. Ông Trần Thanh P không phải chịu án phí.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hoá;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hoá;
- Cơ quan đã đăng ký kết hôn;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Nguyễn Phương C

